

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DSST
Ngày: 22-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.

2. Ông Đặng Văn N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị HT – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TPĐ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TPĐ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TPĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp Ph H, xã P T, huyện TPĐ, tỉnh TG.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh X, sinh năm 1973.

Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp T A, xã T Ph, huyện TPĐ, tỉnh TG.

(Bà Th xin vắng mặt, ông X, bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Th có bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông X và bà C nhiều năm nay. Hai bên thỏa thuận thu hoạch mỗi vụ tôm sẽ thanh toán. Tuy nhiên, đến tháng 4 năm 2018 ông X và bà C nghỉ nuôi tôm do thua lỗ. Ông Xuyên và bà Cảnh có thỏa thuận mỗi năm trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Đến ngày 16 tháng 3 năm 2019, ông X và bà C có ký xác nhận nợ cho bà Th với số tiền là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*), nhưng từ khi thỏa thuận đến nay thì ông X và bà C không trả nợ.

Nay bà TH yêu cầu ông X và bà C liên đới trả số nợ vốn gốc là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả, lãi suất là 9% năm, tính từ tháng 3 năm 2019 đến ngày 08 tháng 9 năm 2020 là 55.000.00đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Thanh X trình bày:

Ông X và bà C có nợ tiền thức ăn và tiền thuốc nuôi trồng thủy sản là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Ông X xin trả dần mỗi năm 30.000.000đ (*Ba chục triệu đồng*). Ông không đồng trả lãi chậm trả yêu cầu bà Th.

Tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:

Ông X và bà C có nợ tiền thức ăn và tiền thuốc nuôi trồng thủy sản là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Bà C xin trả dần mỗi năm 30.000.000đ (*Ba chục triệu đồng*). Bà không đồng trả lãi chậm trả yêu cầu bà Thương.

Ý kiến Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Buộc ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vốn gốc là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả, lãi suất là 9% năm, tính từ tháng 3 năm 2019 đến ngày 08 tháng 9 năm 2020 là 55.000.00đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua tài sản*” theo quy định tại **Điều 430** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TPĐ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C liên đới trả cho bà Th số tiền vốn gốc là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Th cung cấp cho Tòa án “giấy ký nhận nợ” ngày 16 tháng 3 năm 2019 có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Bùi Thanh Xuyên và bà Huỳnh Thị Cảnh xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị Th số tiền là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Ông X và bà C thừa nhận có nợ tiền thức ăn tôm như bà Th trình bày. Theo biên bản xác minh ngày 22 tháng 12 năm 2020 thì thu nhập chính của ông X và bà C đều phụ thuộc vào việc nuôi tôm của gia đình, việc ông X và bà C nuôi tôm là để phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu ông X và bà C liên đới trả số tiền vốn gốc là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu ông liên đới trả số tiền tiền lãi chậm trả lãi suất là 9% năm, tính từ tháng 3 năm 2019 đến ngày 08 tháng 9 năm 2020 là 55.000.00đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu xin trả dần của ông X và bà C không được bà Th chấp nhận, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả dần của ông X và bà C là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Th nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông X và bà C.

[5] Về án phí: Buộc ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, **235 Bộ luật Tố tụng dân sự;**
- Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vốn gốc là 409.722.000đ (*Bốn trăm không chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và tiền lãi 55.000.00đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Bùi Thanh X và bà Huỳnh Thị C chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.588.880đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng*).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 11.294.440đ (*Mười một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49588 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH